

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DSST
Ngày: 21-8-2020
V/v: tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

2. Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: ông An Bắc Lùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 77/2020/DSST ngày 21 tháng 4 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2020/QĐST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/QĐST-DS ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T; sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Bà Hồ Thị Y; sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Trú tại: thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Trần Phương T; (có mặt)

Địa chỉ: kp X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Bùi H; sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm: 1975 (có mặt)

Trú tại: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2019 nguyên đơn vợ chồng Ông Nguyễn Huy T Bà Hồ Thị Y và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền bà Trần Phương T trình bày:*

Do có quen biết, vào ngày 24/12/2016 vợ chồng ông T bà Y có cho vợ chồng Ông Bùi H Bà Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 900.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng hai bên thỏa thuận ngày 24/12/2017 sẽ trả. Khi vay hai bên

có làm giấy tờ vay bà T ông H có ký tên. Đến ngày 23/6/2017 vợ chồng bà T ông H đã trả tiền gốc 200.000.000đồng cho vợ chồng ông T bà Y, còn tiền lãi ông H bà T không trả. Số tiền còn lại ông H bà T không trả nên ngày 04/12/2018 ông H bà T có viết lại giấy vay tiền cho vợ chồng ông T bà Y và bà T ông H khất đến ngày 24/3/2019 sẽ trả cả gốc và lãi. Tuy nhiên đến nay vợ chồng ông H bà T không trả như thỏa thuận mặc dù ông T bà Y đã đi đòi nhiều lần. Hiện nay vợ chồng bà T ông H còn nợ tiền gốc 700.000.000đồng và tiền lãi từ ngày vay 26/3/2017 cho đến nay. Vì vậy, ông T bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H bà T trả cho vợ chồng ông bà số tiền gốc 700.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 26/3/2017 tính cho đến nay (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất quá hạn 1,5%/tháng x 40 tháng x 700.000.000đồng = 400.000.000đồng. Tổng cộng yêu cầu ông H bà T trả 1.100.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Tuy nhiên xác định ngày chậm trả lãi là ngày 23/6/2017 chứ không phải ngày 26/3/2017. Vì vậy, yêu cầu tính lãi từ ngày 23/6/2017 đến ngày xét xử. Do đó, rút một phần yêu cầu lãi và yêu cầu lãi suất 1,5%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T bà Y có làm đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho ông bà. Ông T bà Y đề nghị duy trì biện pháp này theo quy định để đảm bảo quyền lợi thi hành án cho ông bà. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn Ông Bùi H vắng mặt tại phiên tòa , tuy nhiên bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận lời trình bày của ông T bà Y về việc vay tiền là đúng. Vợ chồng bà đồng ý trả số tiền gốc 700.000.000đồng, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Từ ngày 23/6/2017 đến nay vợ chồng bà chưa trả tiền lãi cho vợ chồng ông T bà Y. Đây là số nợ chung của vợ chồng ông bà, mục đích vay để thu mua nông sản. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi năm trả 100.000.000đồng, ngoài ra không trình bày gì thêm.

** Các tài liệu, chứng cứ:*

Nguyên đơn nộp:

- Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (photo);
- 02 Giấy vay tiền ngày 04/12/2018 (bản photo);

Bị đơn không nộp tài liệu chứng cứ gì:

**Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:*

Vợ chồng ông H bà T có nợ số tiền 700.000.000đồng tiền gốc, về tiền lãi hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, từ ngày 23/6/2017 đến nay chưa trả lãi cho nguyên đơn ông T bà Y.

** Những nội dung các bên không thừa nhận:*

Không thống nhất về thời hạn trả tiền.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 463; Điều 466; của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 700.000.000đồng và lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 04/12/2018 nguyên đơn cung cấp xác định: Nguyên đơn Ông Nguyễn Huy T Bà Hồ Thị Y cho vợ chồng Bùi Hiền và Bà Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 900.000.000đồng. ngày 23/6/2017 đã trả 200.000.000đồng tiền gốc, số tiền còn lại 700.000.000đồng bị đơn không trả cho nguyên đơn như thỏa thuận. Do đó hai bên xảy ra tranh chấp. Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “ *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên vay chuyển giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay.....*”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Huy T Bà Hồ Thị Y yêu cầu vợ chồng Bùi Hiền và Bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền vay gốc 700.000.000đồng và tiền lãi:

[2.1] Về số tiền gốc: Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 04/12/2018 nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định: 24/12/2016 vợ chồng vợ chồng Bùi H và Bà Nguyễn Thị Thanh T có vay của Ông Nguyễn Huy T Bà Hồ Thị Y số tiền 900.000.000đồng, khi vay hai bên có làm giấy tờ vay và thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thỏa thuận ngày 24/12/2017 sẽ trả cho ông T bà Y. Tuy nhiên đến ngày 23/6/2017 vợ chồng ông H bà T có trả số tiền gốc cho vợ chồng ông T bà Y, hai bên có làm lại giấy vay tiền và thỏa thuận số tiền còn lại 700.000.000đồng trả vào ngày 24/3/2018. Đến ngày 24/3/2018 bà T ông H không trả như thỏa thuận nên bà T ông H viết giấy khất nợ đến ngày 24/3/2019 vợ chồng ông H bà T sẽ trả đủ nhưng đến nay không trả như thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận việc vay tiền, thống nhất. Do đó, việc bị đơn không trả số tiền đã vay cho nguyên đơn đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần buộc bị đơn vợ chồng ông H bà T trả số tiền gốc 700.000.000đồng cho vợ chồng ông T bà Y là có cơ sở.

[2.2] Về lãi suất, khi cho vay các bên thừa nhận có thỏa thuận về lãi suất 1,5%/tháng. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì việc thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn cho rằng đã trả nguyên

đơn một phần lãi suất nhưng không có gì chứng minh là mình đã trả và cũng không tranh chấp lãi suất. Do vậy cần áp dụng quy định tại Điều 468 BLDS buộc bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, đại diện theo nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 23/6/2017 cho đến nay (ngày 21/8/2020) là 38 tháng cụ thể:

$700.000.000\text{đồng} \times 1,5\% / \text{tháng} \times 37 \text{ tháng} = 398.300.000$

Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.098.300.000đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất.

[3]. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng số: 09/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24/4/2020 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát cùng quan điểm giải quyết vụ án với Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Huy T và Bà Hồ Thị Y về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn Ông Bùi H và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho nguyên đơn Ông Nguyễn Huy T và Bà Hồ Thị Y số tiền gốc 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 21/8/2020 là 398.300.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi 1.098.300.000đồng (Một tỷ không trăm chín mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

[2] Về án phí: Buộc bị đơn Ông Bùi H và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 44.949.000đồng.

Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Ông Nguyễn Huy T và Bà Hồ Thị Y số tiền tạm ứng án phí là 16.756.000đồng theo biên lai thu tiền số 0010212 ngày 21 tháng 4 năm 2020 và số tiền 10.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0010405 ngày 12/6/2020.

[3] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng số: 09/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24/4/2020 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho nguyên đơn.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.B;
- Chi cục THADS H. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Điêu Thị Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Liêu – Nguyễn Mạnh Dũng

Điểu Thị Hạnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Thị Hạnh